

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ**

Số: 26.3 /SDD-CBTT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC và SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

- Mã chứng khoán: SDD

- Địa chỉ: Số 21 Ngõ 178 Tây Sơn, P. Trung Liệt, Q. Đống Đa, TP Hà Nội.

- Điện thoại liên hệ :02422112194 - 0965919566 Website:songdaic.vn

- Người thực hiện công bố thông tin : ông **Lê Quảng Đại** – Người được ủy quyền công bố thông tin.

- Loại thông tin công bố: 24 h 72h Bất thường Yêu cầu Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:

- Ngày 26/03/2025 Công ty chúng tôi công bố thông tin:

+ Báo cáo Tài chính năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội.

+ Giải trình Lợi nhuận sau thuế năm 2024 lỗ giảm trên 10% so với cùng kỳ năm trước và giải trình cơ sở của việc từ chối đưaa ý kiến kiểm toán tại Báo cáo Tài chính năm 2024.

3. Đồng thời công ty cũng thực hiện công bố thông tin trên trang Website: <http://songdaic.vn>
đường dẫn: quan hệ cổ đông

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu VP.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Lê Quảng Đại

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Số 21 Ngõ 178 Tây Sơn, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 02-03 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 04-05 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 06-07 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 08 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 09 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 10-32 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Số 21 Ngõ 178 Tây Sơn, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lập Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|------------------------|------------|
| Ông Nguyễn Nho Trung | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Phương Đông | Thành viên |
| Bà Bùi Kim Thanh | Thành viên |

Ban Giám đốc

| | |
|------------------------|--------------|
| Ông Nguyễn Phương Đông | Giám đốc |
| Bà Bùi Kim Thanh | Phó Giám đốc |

Ban Kiểm soát

| | |
|------------------------|------------|
| Bà Trần Ngọc Quỳnh Anh | Trưởng ban |
| Ông Ngô Tiến Dũng | Trưởng ban |
| Bà Hoàng Mai Chi | Thành viên |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Số 21 Ngõ 178 Tây Sơn, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Phương Đông
Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2025

Số: 2403.03-25/BC-TC/VAEHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có lỗ lũy kế là (70.028.814.764) VND, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn số tiền 92.376.898.364 VND. Những yếu tố này cho thấy nghi ngờ đáng kể về khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, mà không cung cấp đủ thông tin và giải trình thuyết phục về khả năng duy trì hoạt động trong tương lai gần. Với các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá khả năng thanh toán cũng như duy trì nguồn vốn lưu động của Công ty trong tương lai gần. Do đó, chúng tôi không thể xác nhận tính thích hợp của việc sử dụng cơ sở hoạt động liên tục để lập báo cáo tài chính.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty ASCO với ý kiến ngoại trừ, theo Báo cáo kiểm toán số 67/2024/ASCO/BCKT ngày 30 tháng 03 năm 2024 của Công ty ASCO. Cơ sở để Công ty ASCO đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là do tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa thực hiện: (i) trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (1.682.310.518 đồng); (ii) trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (655.045.455 đồng); và (iii) đánh giá giá trị chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang (3.182.331.138 đồng). Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện trích kết chuyển khoản mục (i) vào chi phí sản xuất kinh doanh, lập dự phòng bổ sung cho khoản mục (ii) và đánh giá lại giá trị của khoản mục (iii).

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Quang Trung

Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 1938-2023-034-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Bùi Trần Việt

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 1485-2023-034-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Số 21 Ngõ 178 Tây Sơn, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 2.228.142.528 | 15.939.067.145 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 495.736.423 | 294.432.072 |
| 1. Tiền | 111 | | 495.736.423 | 294.432.072 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 6 | 2.161.200 | 2.161.200 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 2.161.200 | 2.161.200 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 1.612.597.235 | 12.875.704.232 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 2.269.867.112 | 2.153.238.908 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 8 | 599.000.000 | 10.896.332.900 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 9 | 32.431.002 | 46.893.590 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (1.288.700.879) | (220.761.166) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 11 | - | 2.714.285.632 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | - | 2.714.285.632 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 117.647.670 | 52.484.009 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 16 | 117.647.670 | 52.484.009 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 209.014.642.250 | 223.480.543.435 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 208.359.209.875 | 219.312.986.731 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 13 | 208.359.209.875 | 219.312.986.731 |
| - Nguyên giá | 222 | | 253.507.347.901 | 253.507.347.901 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (45.148.138.026) | (34.194.361.170) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 15 | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 100.000.000 | 100.000.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (100.000.000) | (100.000.000) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 12 | - | 3.182.331.138 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | 3.182.331.138 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 6 | - | 655.045.455 |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 655.045.455 | 655.045.455 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (655.045.455) | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 655.432.375 | 330.180.111 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 16 | 655.432.375 | 330.180.111 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 211.242.784.778 | 239.419.610.580 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 119.815.040.892 | 131.941.653.695 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 94.605.040.892 | 83.904.903.695 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 17 | 11.917.022.513 | 24.894.999.119 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | - | 4.791.513 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 18 | 1.443.695.730 | 1.764.050.687 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 700.835.900 | 543.674.448 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 19 | 1.963.929.924 | 1.963.929.924 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 20 | 15.271.158.539 | 9.606.059.718 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 21 | 62.976.045.757 | 44.787.045.757 |
| 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | | 332.352.529 | 340.352.529 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 25.210.000.000 | 48.036.750.000 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 20 | - | 1.526.750.000 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 21 | 25.210.000.000 | 46.510.000.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 91.427.743.886 | 107.477.956.885 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 22 | 91.427.743.886 | 107.477.956.885 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 160.076.850.000 | 160.076.850.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 160.076.850.000 | 160.076.850.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 48.603.459 | 48.603.459 |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (3.510.000) | (3.510.000) |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 1.334.615.191 | 1.334.615.191 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (70.028.814.764) | (53.978.601.765) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | (53.978.601.765) | (34.137.561.603) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (16.050.212.999) | (19.841.040.162) |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400) | 440 | | 211.242.784.778 | 239.419.610.580 |

TW

LQĐ



Lê Đại Thắng
Người lập

Lê Quảng Đại
Kế toán trưởng

Nguyễn Phương Đông
Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---|-------|-------------|------------------|------------------|
| | | | VND | VND |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 23 | 12.637.116.978 | 57.692.153.789 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | | 12.637.116.978 | 57.692.153.789 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 24 | 16.054.612.634 | 61.376.343.746 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | (3.417.495.656) | (3.684.189.957) |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 25 | 760.508 | 593.991 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 26 | 7.755.556.512 | 8.974.837.518 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 7.100.511.057 | 8.974.837.518 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 27 | 3.333.372.598 | 1.783.745.070 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26)) | 30 | | (14.505.664.258) | (14.442.178.554) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 296.585.994 | - |
| 12. Chi phí khác | 32 | 28 | 1.841.134.735 | 5.398.861.608 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | (1.544.548.741) | (5.398.861.608) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | (16.050.212.999) | (19.841.040.162) |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 29 | - | - |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | (16.050.212.999) | (19.841.040.162) |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 32 | (1.003) | (1.239) |

TT

Lê Quang Đại



Lê Đại Thăng
Người lập

Lê Quang Đại
Kế toán trưởng

Nguyễn Phương Đông
Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Số 21 Ngõ 178 Tây Sơn, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 15.478.891.559 | 76.656.226.197 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ | 02 | | (15.476.674.345) | (61.132.996.250) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (2.657.277.204) | (2.682.935.750) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | | (390.208.994) | (923.750.806) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | | - | (1.436.570.461) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 10.551.300.296 | - |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (4.194.487.469) | (10.656.550.906) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 3.311.543.843 | (176.577.976) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định | 21 | | - | (302.292.000) |
| 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 760.508 | 593.991 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 760.508 | (301.698.009) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 2.626.000.000 | - |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (5.737.000.000) | (630.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (3.111.000.000) | (630.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40) | 50 | | 201.304.351 | (1.108.275.985) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 294.432.072 | 1.402.708.057 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61) | 70 | 5 | 495.736.423 | 294.432.072 |



Lê Đại Thắng
Người lập

Lê Quảng Đại
Kế toán trưởng

Nguyễn Phương Đông
Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Số 21 Ngõ 178 Tây Sơn, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500450173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 17 tháng 05 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 21 Ngõ 178 Tây Sơn, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 160.076.850.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 160.076.850.000 đồng; Tương đương 16.007.685 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã chứng khoán: SDD.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Đầu tư, Xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Đầu tư, kinh doanh các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, buro điện, công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình cấp thoát nước;
- Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- Tư vấn giám sát trong các lĩnh vực: thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, cầu và đường bộ, điện đường dây và trạm, khảo sát địa chất thủy văn, trắc địa công trình;
- Sửa chữa xe máy, thiết bị, gia công cơ khí;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản cấm).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2024 là 16 người (tại ngày 31/12/2023 là 16 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có lỗ lũy kế là (70.028.814.764) VND, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn số tiền 92.376.898.364 VND. Những yếu tố này cho thấy nghi ngờ đáng kể về khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, mà không cung cấp đủ thông tin và giải trình thuyết phục về khả năng duy trì hoạt động trong tương lai gần.

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh, căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 06 - 20 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Băng sáng chế và thương hiệu

Băng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <u>31/12/2024</u> | <u>01/01/2024</u> |
|---------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 1.761.500 | 8.219.300 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 493.974.923 | 286.212.772 |
| | <u><u>495.736.423</u></u> | <u><u>294.432.072</u></u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀSố 21 Ngõ 178 Tây Sơn, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***MÃU SỐ B 09-DN****6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Chứng khoán kinh doanh**

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|------------------------|------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND |
| Tổng giá trị cổ phiếu | 2.161.200 | - | - | 2.161.200 |
| Cổ phiếu PET | 2.070.000 | - | - | - |
| Cổ phiếu riêng lẻ khác | 91.200 | - | - | 91.200 |
| | 2.161.200 | | | 2.161.200 |

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|--|--------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND |
| Đầu tư vào đơn vị khác | 655.045.455 | - | (655.045.455) | 655.045.455 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khu kinh tế Hải Hà | 654.545.455 | - | (654.545.455) | 654.545.455 |
| Cổ phiếu lẻ của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 | 500.000 | - | (500.000) | 500.000 |
| | 655.045.455 | | (655.045.455) | 655.045.455 |

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀSố 21 Ngõ 178 Tây Sơn, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|---|----------------------|------------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | | | |
| Công ty Điện lực Điện Biên | 1.067.939.713 | (1.067.939.713) | 1.067.939.713 | - |
| Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc | 981.166.233 | - | 720.256.871 | - |
| Các khoản phải thu khách hàng khác | 220.761.166 | (220.761.166) | 365.042.324 | (220.761.166) |
| | 2.269.867.112 | (1.288.700.879) | 2.153.238.908 | (220.761.166) |

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|---|--------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | | | | |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CDC | - | - | 10.512.332.900 | - |
| Công ty TNHH Công nghệ và kỹ thuật điện | 349.000.000 | - | 349.000.000 | - |
| Trả trước khác | 250.000.000 | - | 35.000.000 | - |
| | 599.000.000 | - | 10.896.332.900 | - |

9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|---------------|-------------------|----------|-------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Tạm ứng | - | - | 11.681.872 | - |
| Phải thu khác | 32.431.002 | - | 35.211.718 | - |
| | 32.431.002 | - | 46.893.590 | - |

10 . NỢ XẤU

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|---|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | VND | VND | VND | VND |
| Xí nghiệp Sông Đà 7.05 - Công ty Cổ phần Sông Đà 7.05 | 220.761.166 | - | 220.761.166 | - |
| Công ty Điện lực Điện Biên | 1.067.939.713 | - | 1.067.939.713 | - |
| | 1.288.700.879 | - | 1.288.700.879 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀSố 21 Ngõ 178 Tây Sơn, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***11 . HÀNG TỒN KHO**

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|-------------------------------------|----------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - | - | 2.714.285.632 | - |
| | - | - | 2.714.285.632 | - |

Tại ngày 01/01/2024, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm các chi phí của công trình thủy điện Nậm Pay không được quyết toán: 1.682.310.518 đồng và công trình thủy điện Hồ Hồ: 1.031.975.114 đồng. Trong năm 2024, Ban Giám đốc công ty đã quyết định kết chuyển toàn bộ chi phí của công trình thủy điện Nậm Pay không được quyết toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

12 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|-----------------------------|------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Dự án Thủy điện Thu Cúc (*) | - | 3.182.331.138 |
| | - | 3.182.331.138 |

(*) Đây là công trình dựa trên thỏa thuận hợp tác kinh doanh về việc hợp tác Đầu tư Dự án thủy điện Thu Cúc giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà (SONGDA IC) và Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (SODACO). Ngày 29/04/2024, Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua việc chấm dứt đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Thu Cúc. Theo đó, trong văn bản thỏa thuận chấm dứt hợp tác kinh doanh, tổng chi phí phát sinh của dự án là 3.182.331.138 đồng trong đó phần chi phí phân bổ cho SODACO là 1.526.750.000 đồng được bù trừ với phần vốn mà SODACO đã góp (chi tiết tại Thuyết minh số 20), phần chi phí còn lại là 1.655.581.138 đồng đã được Ban Giám đốc công ty quyết định kết chuyển vào chi phí khác trong kỳ.

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Cộng VND |
|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------|---|------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 190.723.554.666 | 52.679.634.270 | 10.104.158.965 | 253.507.347.901 |
| Tại ngày 31/12/2024 | 190.723.554.666 | 52.679.634.270 | 10.104.158.965 | 253.507.347.901 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 21.716.900.820 | 9.942.450.175 | 2.535.010.175 | 34.194.361.170 |
| Trích khấu hao | 7.281.945.492 | 2.657.903.616 | 1.013.927.748 | 10.953.776.856 |
| Tại ngày 31/12/2024 | 28.998.846.312 | 12.600.353.791 | 3.548.937.923 | 45.148.138.026 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 169.006.653.846 | 42.737.184.095 | 7.569.148.790 | 219.312.986.731 |
| Tại ngày 31/12/2024 | 161.724.708.354 | 40.079.280.479 | 6.555.221.042 | 208.359.209.875 |

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: (VND)

208.338.724.082

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀSố 21 Ngõ 178 Tây Sơn, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***15 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

| | Giá trị thương hiệu | Cộng |
|-------------------------------|---------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Nguyên giá | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Tại ngày 31/12/2024 | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Tại ngày 31/12/2024 | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Giá trị còn lại | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | - | - |
| Tại ngày 31/12/2024 | - | - |

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--------------------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| a) Chi phí trả trước ngắn hạn | | |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 10.734.677 | - |
| Phí bảo hiểm công trình | 53.908.056 | 52.484.009 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 53.004.937 | - |
| | 117.647.670 | 52.484.009 |
| b) Chi phí trả trước dài hạn | | |
| Chi phí sửa chữa | 37.525.075 | 330.180.111 |
| Chi phí kiểm định, thử nghiệm | 601.440.628 | - |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 16.466.672 | - |
| | 655.432.375 | 330.180.111 |

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả | Giá trị | Số có khả năng trả |
| | VND | VND | VND | VND |
| Phải trả người bán ngắn hạn | | | | |
| Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 | - | - | 10.249.629.752 | 10.249.629.752 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng và Xây lắp Sông Đà | 4.757.725.349 | 4.757.725.349 | 4.757.725.349 | 4.757.725.349 |
| Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng số 6 | 1.370.089.925 | 1.370.089.925 | 1.370.089.925 | 1.370.089.925 |
| Công ty TNHH Tân An | 1.477.925.200 | 1.477.925.200 | 1.477.925.200 | 1.477.925.200 |
| Các khoản phải trả khác | 4.311.282.039 | 4.311.282.039 | 7.039.628.893 | 7.039.628.893 |
| | 11.917.022.513 | 11.917.022.513 | 24.894.999.119 | 24.894.999.119 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀSố 21 Ngõ 178 Tây Sơn, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

| | Số phải nộp đầu kỳ | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | Số phải nộp cuối kỳ |
|--|----------------------|----------------------|-------------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế Giá trị gia tăng | 1.493.591.427 | 1.039.958.867 | 1.283.278.529 | 1.250.271.765 |
| Thuế Thu nhập cá nhân | 58.758.074 | 17.095.026 | 45.554.450 | 30.298.650 |
| Thuế Tài nguyên | 22.637.896 | 1.367.636.684 | 1.354.604.367 | 35.670.213 |
| Các loại thuế khác | 65.151.468 | 418.547.812 | 399.120.556 | 84.578.724 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 123.911.822 | - | 81.035.444 | 42.876.378 |
| | 1.764.050.687 | 2.843.238.389 | 3.163.593.346 | 1.443.695.730 |

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay phải trả Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La | 1.963.929.924 | 1.963.929.924 |
| | 1.963.929.924 | 1.963.929.924 |

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a) Phải trả ngắn hạn khác | | |
| Kinh phí công đoàn | 103.770.759 | 78.034.395 |
| Bảo hiểm xã hội | - | 699.009.500 |
| Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La | 13.512.392.692 | 6.815.463.655 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng và Xây lắp Sông Đà | 1.642.117.088 | 1.642.117.088 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 12.878.000 | 371.435.080 |
| | 15.271.158.539 | 9.606.059.718 |
| b) Phải trả dài hạn khác | | |
| Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (*) | - | 1.526.750.000 |
| | - | 1.526.750.000 |

(*) Đây là khoản tiền mà Công ty nhận hợp tác kinh doanh từ Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (SODACO) theo thỏa thuận hợp tác kinh doanh về việc đầu tư Dự án Thủy điện Thu Cúc. Khoản tiền này đã được bù trừ với phần chi phí đầu tư dự án được phân bổ cho SODACO (chi tiết tại thuyết minh số 12).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Số 21 Ngõ 178 Tây Sơn, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

| | 01/01/2024 | | Trong kỳ | | 31/12/2024 | |
|---|-----------------------|---------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả VND | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả VND |
| | | | | | | |
| a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn | | | | | | |
| Vay ngắn hạn | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La | 19.676.045.757 | 19.676.045.757 | 2.626.000.000 | (2.626.000.000) | 19.676.045.757 | 19.676.045.757 |
| Bà Nguyễn Thục Anh | 19.676.045.757 | 19.676.045.757 | - | - | 19.676.045.757 | 19.676.045.757 |
| Ông Lê Đại Thắng | - | - | 2.371.000.000 | (2.371.000.000) | - | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả | | | | | | |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam | 25.111.000.000 | 25.111.000.000 | 255.000.000 | (255.000.000) | - | - |
| - Chi nhánh Sơn La | 25.111.000.000 | 25.111.000.000 | 21.300.000.000 | (3.111.000.000) | 43.300.000.000 | 43.300.000.000 |
| | 44.787.045.757 | 44.787.045.757 | 23.926.000.000 | (5.737.000.000) | 62.976.045.757 | 62.976.045.757 |
| b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn | | | | | | |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam | 71.621.000.000 | 71.621.000.000 | - | (3.111.000.000) | 68.510.000.000 | 68.510.000.000 |
| - Chi nhánh Sơn La | | | | | | |
| | 71.621.000.000 | 71.621.000.000 | - | (3.111.000.000) | 68.510.000.000 | 68.510.000.000 |
| Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng | 25.111.000.000 | 25.111.000.000 | | | 43.300.000.000 | 43.300.000.000 |
| Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng | 46.510.000.000 | 46.510.000.000 | | | 25.210.000.000 | 25.210.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Số 21 Ngõ 178 Tây Sơn, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

| Loại tiền | Lãi suất năm | Hình thức đảm bảo | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|------------------|--------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|
| VND | 9,6% - 10,2% | Tín chấp | VND 19.676.045.757 | VND 19.676.045.757 |
| Tổng cộng | | | 19.676.045.757 | 19.676.045.757 |

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

| Loại tiền | Lãi suất năm | Kỳ hạn trả gốc và lãi | Hình thức đảm bảo | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|-----------|--------------|---|---|-----------------------|-----------------------|
| VND | 8,55% | Gốc vay trả hàng tháng bắt đầu từ tháng 01 năm 2017 đến hết tháng 06 năm 2028. Lãi vay được trả hàng tháng tính trên số dư nợ vay | Tài sản hình thành từ khoản vay là Nhà máy Thủy điện Mường Sang 2 | VND 68.510.000.000 | VND 71.621.000.000 |

Ngân hàng Phát triển Việt Nam
- Chi nhánh Sơn La

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

| | |
|-----------------------|-----------------------|
| 68.510.000.000 | 71.621.000.000 |
| 43.300.000.000 | 25.111.000.000 |
| 25.210.000.000 | 46.510.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Số 21 Ngõ 178 Tây Sơn, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| Năm 2023 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|---------------------|---------------------------|-------------------|----------------------|----------------------|-------------------------|------------------------|--------------------------|------|
| | VND | VND | | VND | VND | | | |
| Tại ngày 01/01/2023 | 160.076.850.000 | 48.603.459 | (3.510.000) | 1.334.615.191 | (34.137.561.603) | 127.318.997.047 | | |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | - | (19.841.040.162) | (19.841.040.162) | | |
| Tại ngày 31/12/2023 | 160.076.850.000 | 48.603.459 | (3.510.000) | 1.334.615.191 | (53.978.601.765) | 107.477.956.885 | | |
| Năm 2024 | | | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 160.076.850.000 | 48.603.459 | (3.510.000) | 1.334.615.191 | (53.978.601.765) | 107.477.956.885 | | |
| Lãi trong năm nay | - | - | - | - | (16.050.212.999) | (16.050.212.999) | | |
| Tại ngày 31/12/2024 | 160.076.850.000 | 48.603.459 | (3.510.000) | 1.334.615.191 | (70.028.814.764) | 91.427.743.886 | | |

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | | Tỷ lệ (%) |
|------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|-------------|-----------|
| | VND | (%) | VND | (%) | |
| Bà Bùi Kim Thanh | 16.355.000.000 | 10,22% | 16.355.000.000 | 10,22% | |
| Bà Lê Trần Vi Thảo | - | 0,00% | 10.440.000.000 | 6,52% | |
| Bà Nguyễn Bảo Ngọc | 9.395.000.000 | 5,87% | - | 0,00% | |
| Vốn góp của các cổ đông khác | 134.326.850.000 | 83,91% | 133.281.850.000 | 83,26% | |
| | 160.076.850.000 | 100% | 160.076.850.000 | 100% | |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀSố 21 Ngõ 178 Tây Sơn, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 160.076.850.000 | 160.076.850.000 |
| - Vốn góp đầu kỳ | 160.076.850.000 | 160.076.850.000 |
| - Vốn góp cuối kỳ | 160.076.850.000 | 160.076.850.000 |

d) Cổ phiếu

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 16.007.685 | 16.007.685 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 16.007.685 | 16.007.685 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 16.007.685 | 16.007.685 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | 351 | 351 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 351 | 351 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 16.007.334 | 16.007.334 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 16.007.334 | 16.007.334 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND) | 10.000 | 10.000 |

e) Các quỹ công ty

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Quỹ đầu tư phát triển | 1.334.615.191 | 1.334.615.191 |
| | 1.334.615.191 | 1.334.615.191 |

23 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán điện | 11.263.819.170 | 9.583.988.983 |
| Doanh thu bán hàng hóa | - | 48.108.164.806 |
| Doanh thu hợp đồng xây lắp | 1.373.297.808 | - |
| | 12.637.116.978 | 57.692.153.789 |

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn bán điện | 13.340.327.002 | 13.474.364.792 |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | - | 47.901.978.954 |
| Giá vốn hợp đồng xây lắp | 2.714.285.632 | - |
| | 16.054.612.634 | 61.376.343.746 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀSố 21 Ngõ 178 Tây Sơn, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---------------------------|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay | 760.508 | 593.991 |
| | 760.508 | 593.991 |

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 7.100.511.057 | 8.974.837.518 |
| Dự phòng tổn thất đầu tư | 655.045.455 | - |
| | 7.755.556.512 | 8.974.837.518 |

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ | 6.181.818 | - |
| Chi phí nhân công | 1.789.767.298 | 1.685.762.600 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 7.023.708 | 7.023.708 |
| Thuế, phí, lệ phí | 24.933.642 | 27.882.398 |
| Chi phí dự phòng | 1.067.939.713 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 139.479.000 | 47.110.000 |
| Chi phí khác bằng tiền | 298.047.419 | 15.966.364 |
| | 3.333.372.598 | 1.783.745.070 |

28 . CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí dự án không tiếp tục thực hiện (thuyết minh số 12) | 1.655.581.138 | - |
| Các khoản bị phạt | 185.553.597 | 5.398.861.608 |
| | 1.841.134.735 | 5.398.861.608 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

29 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

a) . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---|------------------|------------------|
| | VND | VND |
| Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính | | |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (16.050.212.999) | (19.841.040.162) |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 8.457.972.209 | 13.309.173.456 |
| - Chi phí không hợp lệ | 1.841.134.735 | 5.398.861.608 |
| - Chi phí lãi vay bị loại do GD liên kết | 6.035.391.605 | 7.328.865.979 |
| - Chi phí khấu hao bị loại | 581.445.869 | 581.445.869 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập tính thuế TNDN | (7.592.240.790) | (6.531.866.706) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - |

b) . Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai, chi tiết như sau:

| Năm phát sinh | Có thể chuyển lỗ đến năm | Lỗ tính thuế | Đã chuyển lỗ đến 31/12/2024 | Không được chuyển lỗ | Đơn vị tính: VND |
|------------------|--------------------------|-----------------------|-----------------------------|----------------------|-------------------------------|
| | | | | | Chưa chuyển lỗ tại 31/12/2024 |
| 2021(*) | 2026 | 7.423.515.828 | - | - | 7.423.515.828 |
| 2022 | 2027 | 3.515.419.761 | - | - | 3.515.419.761 |
| 2023 | 2028 | 6.531.866.706 | - | - | 6.531.866.706 |
| 2024 | 2029 | 7.592.240.790 | - | - | 7.592.240.790 |
| Tổng cộng | | 25.063.043.085 | - | - | 25.063.043.085 |

(*) Số lỗ còn được chuyển kỳ sau theo Kết luận thanh tra thuế số 35359/KL-CTHN-TTKT7 ngày 23/05/2023.

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lãi vay chưa được trừ đó.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ nêu trên do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--|------------------|------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận sau thuế | (16.050.212.999) | (19.841.040.162) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông | (16.050.212.999) | (19.841.040.162) |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ | 16.007.334 | 16.007.334 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (1.003) | (1.239) |

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 27.917.818 | 57.135.400 |
| Chi phí nhân công | 3.262.402.277 | 3.185.429.684 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 10.953.776.856 | 10.952.526.855 |
| Chi phí thuế và lệ phí | 24.933.642 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.037.681.875 | 1.026.480.257 |
| Chi phí khác bằng tiền | 299.047.419 | 43.848.762 |
| | 15.605.759.887 | 15.265.420.958 |

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Số 21 Ngõ 178 Tây Sơn, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
im tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN Theo lĩnh vực kinh doanh

| | Hoạt động bán điện | Hoạt động xây lắp | Tổng cộng các bộ phận | Tổng cộng toàn doanh nghiệp |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 11.263.819.170 | 1.373.297.808 | 12.637.116.978 | 12.637.116.978 |
| Chi phí bộ phận trực tiếp | 13.340.327.002 | 2.714.285.632 | 16.054.612.634 | 16.054.612.634 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | (2.076.507.832) | (1.340.987.824) | (3.417.495.656) | (3.417.495.656) |
| Tài sản bộ phận trực tiếp | 210.113.456.153 | 1.067.939.713 | 211.181.395.866 | 211.181.395.866 |
| Tài sản không phân bổ | - | - | 61.388.912 | 61.388.912 |
| Tổng tài sản | 210.113.456.153 | 1.067.939.713 | 211.242.784.778 | 211.242.784.778 |
| Nợ phải trả bộ phận trực tiếp | 90.330.577.387 | - | 90.330.577.387 | 90.330.577.387 |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | 29.484.463.505 | 29.484.463.505 |
| Tổng nợ phải trả | 90.330.577.387 | - | 119.815.040.892 | 119.815.040.892 |

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀSố 21 Ngõ 178 Tây Sơn, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 21.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

| | Mối quan hệ | Năm 2024 | Năm 2023 |
|----------------------------------|-------------|----------|---------------|
| | | VND | VND |
| Mua hàng hóa, dịch vụ | | | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La | (*) | - | 604.195.466 |
| Chi phí tài chính | | | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La | (*) | - | 1.963.929.924 |

Số dư tại ngày kết thúc kỳ:

| | Mối quan hệ | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|----------------------------------|-------------|------------|---------------|
| | | VND | VND |
| Phải trả khác | | | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La | (*) | - | 362.499.797 |
| Chi phí phải trả | | | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La | (*) | - | 1.963.929.924 |

(*) Ông Nguyễn Tiến Khanh là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà và là Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La. Đến ngày 27/04/2023, Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La không còn là bên liên quan do ông Nguyễn Tiến Khanh không còn là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--|-------------|-------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát | | |
| Ông Nguyễn Nho Trung | 744.000.000 | 644.000.000 |
| Ông Nguyễn Phương Đông | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Bà Bùi Kim Thanh | 384.000.000 | 384.000.000 |
| Bà Trần Ngọc Quỳnh Anh | 264.000.000 | 164.000.000 |
| Ông Ngô Tiến Dũng | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Bà Hoàng Mai Chi | 24.000.000 | 24.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Số 21 Ngõ 178 Tây Sơn, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO.

Lê Đại Thắng
Người lập

Lê Quảng Đại
Kế toán trưởng



Nguyễn Phương Đông
Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2025